

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2020/TLST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Nhôm N**; Địa chỉ: Đường C, khu C, KCN P, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần D, chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Công Đ, sinh năm 1994 và Ông Bùi Minh Đ, sinh năm 1998; Địa chỉ: NXXX - LK03, khu dịch vụ LKXX - XX D, đường L, phường D, quận H, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ H**; Địa chỉ: Khu M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình; Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Hương N, chức vụ: Giám đốc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ H phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty Cổ phần Nhôm N tổng số tiền nợ gốc, lãi chậm trả tính đến ngày 18 tháng 9 năm 2020 là 959.642.393 đồng (chín trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm chín mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 875.673.684 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm

bảy mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi tư đồng) theo Biên bản xác minh công nợ đề ngày 01 tháng 11 năm 2019 đã được thống nhất giữa hai bên. Nợ lãi chậm trả của số tiền nợ gốc 875.673.684 đồng, mức lãi suất 10%/01 năm, thời điểm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 05 tháng 10 năm 2019 đến hết ngày 18 tháng 9 năm 2020, số tiền là 83.968.709 đồng $[875.673.684 \times 10\%/01 \text{ năm} \times 350 \text{ ngày (số ngày vi phạm)}]$.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2.2. Về án phí: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ H phải chịu 20.394.600 đồng (hai mươi triệu ba trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty Cổ phần Nhôm N số tiền 20.200.000 đồng (hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0003881 đề ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy Dương

